

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

Câu 1: Sông ngòi nước ta có thủy chế theo mùa là hệ quả của chế độ

- A. mưa mùa. B. sinh vật. C. đất đai. D. gió mùa.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2000 – 2015

| Năm | 2000 | 2003 | 2007 | 2015 |
|-----------------------|--------|--------|--------|--------|
| Diện tích (nghìn ha) | 7.655 | 7.452 | 7.207 | 7.835 |
| Sản lượng (nghìn tấn) | 32.554 | 34.568 | 35.942 | 45.216 |

Biểu đồ thể hiện tốt nhất tốc độ tăng trưởng diện tích, sản lượng lúa giai đoạn 2000 – 2015 là biểu đồ

- A. cột chồng. B. miền. C. đường. D. cột.

Câu 3: Rêu và địa y phủ kín thân cây , cành cây” là đặc điểm sinh vật ở độ cao nào ở vùng núi nước ta?

- A. 900m - 1000m. B. 1000m – 1600m.
C. 1600m – 1700m đến 2600m. D. trên 2600m.

Câu 4: Thiên nhiên vùng núi cao Tây Bắc mang sắc thái của vùng khí hậu

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
B. ôn đới gió mùa trên núi.
C. cận nhiệt đới gió mùa.
D. cận xích đạo gió mùa với hai mùa mưa, khô.

Câu 5: Vào đầu mùa hạ, gió Tây Nam gây mưa lớn cho vùng

- A. phía nam đèo Hải Vân. B. Nam Bộ.
C. trên phạm vi cả nước. D. Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 6: Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất đến thiên nhiên nước ta ở lĩnh vực

- A. sinh vật. B. khí hậu.
C. cảnh quan ven biển. D. địa hình.

Câu 7: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là

- A. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
B. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
C. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
D. rừng thưa nhiệt đới khô.

Câu 8: Đâu **không** phải là đặc điểm của địa hình đồi núi của nước ta?

- A. Địa hình thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
B. Địa hình nước ta không chịu tác động của con người.
C. Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích lãnh thổ.
D. Cấu trúc địa hình nước ta có cấu trúc cổ và cao ở phía Tây bắc thấp dần về phía Đông nam.

Câu 9: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

- A. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
B. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

C. lãnh thổ kéo dài từ $8^{\circ}34'$ B đến $23^{\circ}23'$ B nên thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.

D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu và di cư của các loài sinh vật.

Câu 10: Đồi núi nước ta có sự phân bậc rõ rệt vì

A. phần lớn là núi có độ cao dưới 2000m.

B. trải qua lịch sử phát triển lâu dài, chịu tác động nhiều của ngoại lực.

C. chịu tác động của nhiều đợt vận động tạo núi trong đại cổ sinh.

D. chịu tác động của vận động tạo núi Anpơ trong giai đoạn Tân kiến tạo.

Câu 11: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp đã làm cho

A. địa hình nước ta ít hiểm trở.

B. địa hình nước ta có sự phân bậc rõ rệt.

C. địa hình nước ta ít hiểm trở.

D. tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.

Câu 12: Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự phân hóa khí hậu giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam là do

A. có nhiều dãy núi sát biển.

B. khối khí lạnh giảm sút về phía nam.

C. sự tăng lượng bức xạ ở phía nam và khối khí lạnh giảm sút về phía nam.

D. sự tăng lượng bức xạ ở phía nam.

Câu 13: Ở độ cao 2400 - 2600m nước ta có kiểu khí hậu nào dưới đây?

A. Xích đạo.

B. Cận nhiệt đới.

C. Nhiệt đới.

D. Ôn đới.

Câu 14: Loại gió có tác động thường xuyên đến toàn bộ lãnh thổ nước ta là

A. gió mùa.

B. gió địa phương.

C. gió phơn.

D. gió Mậu dịch.

Câu 15: Nền nhiệt ẩm cao, khí hậu phân mùa đã tác động đến sản xuất nông nghiệp ở

A. lượng mưa theo mùa.

B. tính mùa vụ của sản xuất.

C. đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 16: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam ở nước ta là

A. đới rừng xích đạo.

B. đới rừng nhiệt đới gió mùa.

C. đới rừng cận xích đạo gió mùa.

D. á nhiệt đới lá rộng.

Câu 17: Hai bể trầm tích có diện tích lớn nhất nước ta là

A. Nam Côn Sơn và Thổ Chu – Mã Lai.

B. Sông Hồng và Trung Bộ.

C. Nam Côn Sơn và Cửu Long.

D. Cửu Long và Sông Hồng.

Câu 18: Ở nước ta, loại tài nguyên có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức là

A. tài nguyên biển.

B. tài nguyên đất.

C. tài nguyên khoáng sản.

D. tài nguyên rừng.

Câu 19: Câu nào dưới đây thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa miền núi với đồng bằng nước ta?

A. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.

B. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.

C. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao hiểm trở.

D. Những sông lớn mang vật liệu bào mòn ở miền núi bồi đắp, mở rộng đồng bằng.

Câu 20: Gió đông bắc thổi ở vùng phía nam đảo Hải Vân vào mùa đông thực chất là

A. gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp lục địa châu Á.

B. gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.

C. một loại gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền.

D. gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.

Câu 21: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm:

A. xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.

B. kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20⁰C.

C. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.

D. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.

Câu 22: Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

| Địa điểm | Nhiệt độ trung bình | Nhiệt độ trung bình | Nhiệt độ trung bình |
|-----------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | tháng I (°C) | tháng VII (°C) | năm (°C) |
| Lạng Sơn | 13,3 | 27,0 | 21,2 |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 | 23,5 |
| Vinh | 17,6 | 29,6 | 23,9 |
| Huế | 19,7 | 29,4 | 25,1 |
| Quy Nhơn | 23,0 | 29,7 | 26,8 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25,8 | 27,1 | 27,1 |

(Nguồn: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

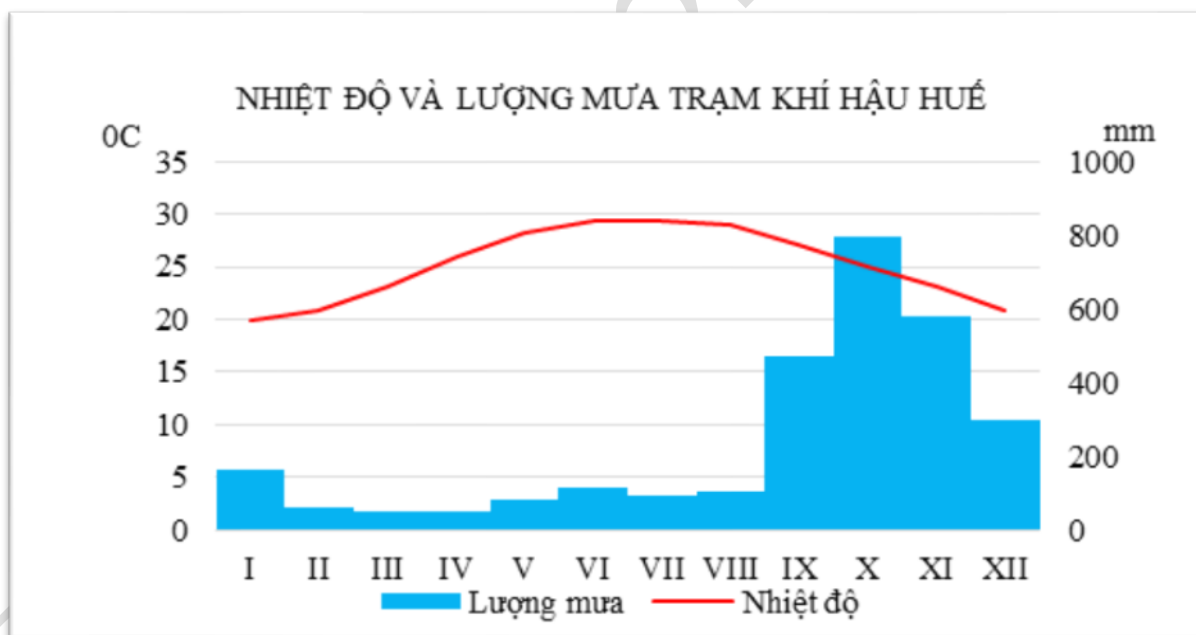
A. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng giảm không ổn định.

B. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam.

C. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam.

D. Nhiệt độ trung bình năm không tăng không giảm.

Câu 23: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng của nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế.

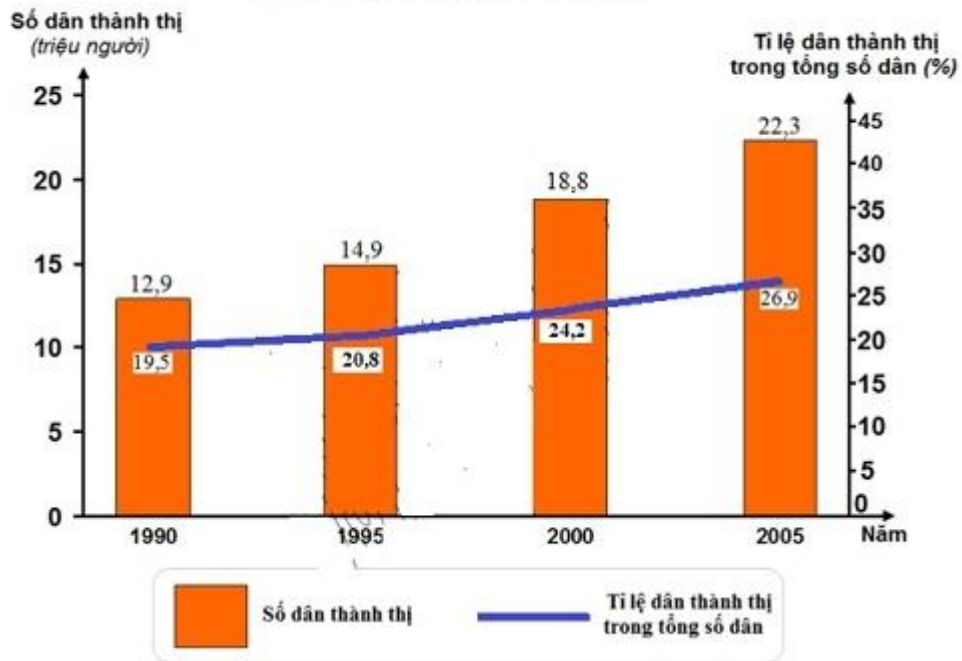
B. Diễn biến nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế.

C. Thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế.

D. Cơ cấu nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế.

Câu 24: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ TRONG TỔNG SỐ DÂN CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 1990 - 2005



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân tăng.
- B. Dân số thành thị có xu hướng tăng và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân có xu hướng giảm.
- C. Dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân giảm.
- D. Dân số thành thị tăng 7,4 triệu người và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân tăng 9,4%.

Câu 25: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Đơn vị: $^{\circ}C$)

| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
|-----------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Hà Nội | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Tp. Hồ Chí Minh | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

- A. Hà Nội có nền nhiệt độ thấp hơn Thành phố Hồ Chí Minh.
 - B. Nhiệt độ trung bình năm Hà Nội cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh.
 - C. Hà Nội có biên độ nhiệt năm cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh
 - D. Tháng có nhiệt độ cao nhất của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh không giống nhau.
- Câu 26: Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải

- A. đường hàng không và đường biển.
- B. đường biển và đường sắt.
- C. đường ô tô và đường biển.
- D. đường ô tô và đường sắt.

Câu 27: Đặc điểm nào **không đúng** với khí hậu phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Biên độ nhiệt năm cao.
- B. Nóng đều quanh năm.
- C. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. Tính chất cận xích đạo gió mùa.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là **không đúng** về sản lượng khai thác dầu thô và than sạch của cả nước từ năm 2000 đến năm 2007?

- A. Sản lượng dầu có xu hướng giảm.
- B. Sản lượng than có tốc độ tăng liên tục.
- C. Sản lượng khai thác dầu và than tăng liên tục qua các năm.
- D. Sản lượng than có tốc độ tăng nhanh hơn dầu.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết Tây Nguyên tiếp giáp với các vùng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

Câu 30: Thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.
- B. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.
- C. Thềm lục địa phía bắc và phía nam nông, mở rộng.
- D. Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phẳng.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô trên 100 000 tỉ đồng ?

- A. Hạ Long và Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Hải Phòng và T.P Hà Nội.
- C. Thành phố Hồ Chí Minh và T.P Hà Nội.
- D. Biên Hòa và Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 32: Dải đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm

- A. thu hẹp về phía nam, thiên nhiên trù phú.
- B. hẹp ngang bị chia thành nhiều đồng bằng nhỏ, thiên nhiên khắc nghiệt.
- C. đất đai màu mỡ, thiên nhiên phân hóa đa dạng.
- D. mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng nông.

Câu 33: Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho vùng khí hậu

- A. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- B. nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.
- C. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- D. cận xích đạo gió mùa.

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây công nghiệp nào dưới đây **không thuộc** Đông Nam Bộ?

- A. Chè.
- B. Cà phê.
- C. Cao su.
- D. Điều .

Câu 35: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình ở nước ta là

- A. xâm thực - bồi tụ.
- B. bồi tụ.
- C. bóc mòn - xâm thực.
- D. xâm thực

Câu 36: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì ?

- A. Có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .
- B. Mưa nhiều trôi hết các chất bazo dễ tan.
- C. Có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

Câu 37: Đây là đặc điểm quan trọng nhất của địa hình đồi núi nước ta, có ảnh hưởng rất lớn đến các yếu tố khác.

- A. Chạy dài suốt lãnh thổ từ bắc đến nam.
- B. Núi nước ta có địa hình hiểm trở.
- C. Đồi núi thấp chiếm ưu thế.
- D. Núi nước ta có sự phân bậc rõ ràng.

Câu 38: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc ở nước ta là

- A. á nhiệt đới lá rộng.
- B. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
- C. đới rừng nhiệt đới.
- D. đới rừng xích đạo.

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác cao hơn sản lượng nuôi trồng?

- A. Kiên Giang.
- B. Cà Mau.
- C. Bạc Liêu.
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 40: Tác động của gió Tây khô nóng đến khí hậu nước ta là

- A. mùa thu, đông có mưa phùn.
- B. tạo sự đối lập giữa Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- C. gây ra thời tiết nóng, ẩm theo mùa.
- D. tạo kiểu thời tiết khô nóng, hoạt động từng đợt.

ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ 357

| Mã đề | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án |
|-------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|
| 357 | 1 | A | 11 | D | 21 | A | 31 | C |
| 357 | 2 | C | 12 | C | 22 | B | 32 | B |
| 357 | 3 | C | 13 | B | 23 | C | 33 | C |
| 357 | 4 | B | 14 | D | 24 | A | 34 | A |
| 357 | 5 | D | 15 | C | 25 | B | 35 | A |
| 357 | 6 | B | 16 | C | 26 | A | 36 | B |
| 357 | 7 | B | 17 | A | 27 | A | 37 | C |
| 357 | 8 | B | 18 | A | 28 | C | 38 | B |
| 357 | 9 | D | 19 | D | 29 | D | 39 | A |
| 357 | 10 | D | 20 | D | 30 | D | 40 | D |

Tuyensinh247.com